

**Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và
công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350

ngày 1 tháng 4 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350 ngày 25 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Viết Nhâm	Chủ tịch (từ ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch (tới ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên (từ ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Viết Nhâm	Thành viên (tới ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Minh Khôi	Phó Chủ tịch
Ông Dương Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 29, Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc
Phường Cam Linh, Thành Phố Cam Ranh
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Phạm Hữu Tân
Tổng Giám đốc

Thành Phố Cam Ranh, ngày 11 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9268
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 6 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo Soát xét số: 16-01-376/2




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		60.039.696.941	63.865.448.378
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	41.568.313.469	34.175.145.071
Tiền	111		6.868.313.469	32.675.145.071
Các khoản tương đương tiền	112		34.700.000.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.431.487.073	9.813.185.113
Phải thu khách hàng	131	8	13.795.707.364	6.434.784.395
Trả trước cho người bán	132		693.646.000	488.316.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	3.370.999.872	3.318.950.881
Dự phòng phải thu khó đòi	137	11	(428.866.163)	(428.866.163)
Hàng tồn kho	140	10	845.743.089	682.273.241
Tài sản ngắn hạn khác	150		194.153.310	19.194.844.953
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		194.153.310	98.341.129
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	19.096.503.824
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		331.477.599.936	327.951.437.616
Các khoản phải thu dài hạn	210		984.876.000	984.876.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	984.876.000	984.876.000
Tài sản cố định	220		326.133.171.604	322.025.233.317
Tài sản cố định hữu hình	221	12	326.133.171.604	322.025.233.317
Nguyên giá	222		480.811.908.923	469.584.250.093
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.678.737.319)	(147.559.016.776)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	18.548.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	18.548.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	1.670.000.000	1.670.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.670.000.000	1.670.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.689.552.332	3.252.780.299
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.689.552.332	3.252.780.299
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		391.517.296.877	391.816.885.994


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

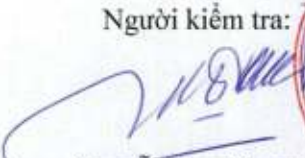
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

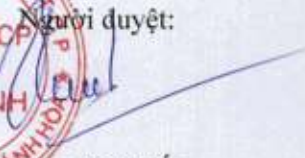
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		135.777.183.493	137.340.907.444
Nợ ngắn hạn	310		38.638.089.493	37.197.809.444
Phải trả người bán	311	16	1.887.196.899	719.256.610
Người mua trả tiền trước	312		3.174.390.765	103.066.936
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	17	988.437.039	404.331.558
Phải trả người lao động	314		3.511.746.183	4.960.257.244
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.132.500	136.683.658
Doanh thu chưa thực hiện - ngắn hạn	318	18	939.342.000	1.047.876.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.541.310.629	24.269.029.819
Vay ngắn hạn	320	20	5.176.000.000	5.176.000.000
Dự phòng phải trả	321	21	1.500.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	885.533.478	381.307.619
Nợ dài hạn	330		97.139.094.000	100.143.098.000
Doanh thu chưa thực hiện - dài hạn	336	18	144.494.000	559.898.000
Phải trả dài hạn khác	337		54.000.000	54.000.000
Vay dài hạn	338	20	96.940.600.000	99.529.200.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		255.740.113.384	254.475.978.550
Vốn chủ sở hữu	410	23	255.740.113.384	254.475.978.550
Vốn cổ phần	411	24	245.018.170.000	245.018.170.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	1.341.874.817	272.570.132
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.269.816.942	5.451.897.833
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.451.897.833	(139.509.978)
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(182.080.891)	5.591.407.811
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.110.251.625	3.733.340.585
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		391.517.296.877	391.816.885.994

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập:

 Hồ Nguyễn Tú Anh
 Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

 Nguyễn Huy Phương
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

 Phạm Hữu Tấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	52.689.325.475	57.087.749.766
Giá vốn hàng bán	11	29	35.343.334.394	42.165.355.766
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		17.345.991.081	14.922.394.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	835.235.917	717.460.587
Chi phí tài chính	22	31	3.820.285.526	793.321.581
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.820.285.526</i>	<i>793.321.581</i>
Chi phí bán hàng	25	32	138.058.389	164.043.586
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	7.907.982.194	9.063.513.994
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.314.900.889	5.618.975.426
Thu nhập khác	31		119.764.240	1.604.344.167
Chi phí khác	32		58.895.636	1.712.449
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		60.868.604	1.602.631.718
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.375.769.493	7.221.607.144
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1.376.482.630	939.121.259
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		4.999.286.863	6.282.485.885

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND		
			70	36
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60	4.999.286.863	6.282.485.885	
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	4.406.574.953	5.822.190.712	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	592.711.910	460.295.173	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 36	136	231	

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập:  Người kiểm tra:  Người duyệt: 

Hồ Nguyễn Tú Anh
Kế toán Tổng hợp

Nguyễn Huy Phương
Kế toán trưởng

Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.375.769.493	7.221.607.144
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.201.999.851	7.283.464.575
Các khoản dự phòng	03	1.500.000.000	428.866.163
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(835.235.917)	(687.087.987)
Xóa sổ tài sản cố định	05	36.198.958	-
Chi phí lãi vay	06	3.820.285.526	793.321.581
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	18.099.017.911	15.040.171.476
Biến động các khoản phải thu	09	12.085.097.864	5.868.700.755
Biến động hàng tồn kho	10	(163.469.848)	431.193.111
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.295.378.329)	(18.539.378.328)
Biến động chi phí trả trước	12	467.415.786	406.871.742
		29.192.683.384	3.207.558.756
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.820.285.526)	(793.321.581)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.060.454.111)	(151.793.840)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(564.943.600)	(133.316.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	23.747.000.147	2.129.127.291
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(11.934.485.096)	(802.532.795)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	22	-	41.818.182
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	835.235.917	645.269.805
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(11.099.249.179)	(115.444.808)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
-------	-------------------------------------------------	-------------------------------------------

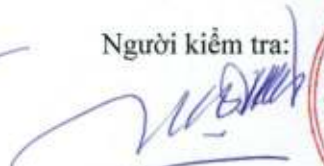
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	225.610.000	-
Tiền vay dài hạn nhận được	33	-	100.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.588.600.000)	(102.604.986.093)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.891.592.570)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(5.254.582.570)	(2.604.986.093)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.393.168.398	(591.303.610)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	34.175.145.071	34.766.448.681
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	41.568.313.469	34.175.145.071

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập:

 Hồ Nguyễn Tú Anh
 Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

 Nguyễn Huy Phương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Phạm Hữu Tấn
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Tiền thân của Công ty là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước là Cảng Ba Ngòi – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350 ngày 1 tháng 4 năm 2009, do sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4200272350 ngày 25 tháng 6 năm 2016, do sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là quản lý khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; cung cấp dịch vụ kho vận và bán lẻ nhiên liệu, chất đốt.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Danh sách công ty con của Nhóm Công ty tại ngày báo cáo như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm vốn sở hữu và quyền biểu quyết tại ngày	
			30/6/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	Cung cấp các dịch vụ vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	Số 29, Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	51%	51%

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có 240 nhân viên (1/1/2016: 207 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán đầu tiên từ ngày Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty TNHH sang công ty cổ phần là từ ngày 25 tháng 6 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần trăm sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tương ứng là tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 9 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty, nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân liên quan cũng được coi là bên liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được lập trên trên các báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

5. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường nào có ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận thuần hay lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 cần phải được công bố.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty

Không có sự thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	556.367.584	425.035.738
Tiền gửi ngân hàng	6.311.945.885	32.250.109.333
Các khoản tương đương tiền	34.700.000.000	1.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	41.568.313.469	34.175.145.071
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Kwang Jin Việt Nam	3.415.360.597	657.347.751
Công ty Cổ phần Đồng Nai	1.008.283.100	1.011.654.600
Các khách hàng khác	9.372.063.667	4.765.782.044
	<hr/>	<hr/>
	13.795.707.364	6.434.784.395
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu về lợi nhuận nộp dư	3.022.033.540	3.022.033.540
Tạm ứng cho nhân viên	305.340.233	234.140.233
Khác	43.626.099	62.777.108
	<hr/>	<hr/>
	3.370.999.872	3.318.950.881
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khấu trừ tiền thuê đất Ngân sách Nhà nước	984.876.000	984.876.000

(c) Phải thu khác từ bên liên quan

Trong phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ bên liên quan như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	3.022.033.540	3.022.033.540

Khoản phi thương mại phải thu từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	191.336.515	155.866.270
Công cụ và dụng cụ	280.439.876	297.293.246
Hàng hóa	373.966.698	229.113.725
	845.743.089	682.273.241

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi – ngắn hạn

	30/6/2016			1/1/2016		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn						
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Mới	Trên 3 năm	113.319.150	113.319.150	113.319.150	113.319.150	-
▪ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	99.453.843	99.453.843	99.453.843	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa	Trên 2 năm	84.790.585	42.395.293	84.790.585	42.395.293	42.395.292
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải Tàu Cao tốc Bắc Nam	Trên 3 năm	84.292.500	84.292.500	84.292.500	84.292.500	-
▪ Công ty TNHH Hưng Phát	Trên 3 năm	83.070.900	83.070.900	83.070.900	83.070.900	-
▪ Công ty TNHH An Trung	Trên 2 năm	12.668.954	6.334.477	12.668.954	6.334.477	6.334.477
		477.595.932	428.866.163	477.595.932	428.866.163	48.729.769

Không có biến động về dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	429.978.540.978	24.483.862.502	899.759.531	14.222.087.082	469.584.250.093
Tăng trong kỳ	-	350.000.000	-	1.612.272.727	1.962.272.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	9.383.864.369	-	-	-	9.383.864.369
Xóa sổ	(65.434.500)	-	-	(53.043.766)	(118.478.266)
Số dư cuối kỳ	439.296.970.847	24.833.862.502	899.759.531	15.781.316.043	480.811.908.923
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	127.316.787.151	12.654.257.379	642.072.943	6.945.899.303	147.559.016.776
Khấu hao trong kỳ	5.865.313.410	656.329.251	32.658.120	647.699.070	7.201.999.851
Xóa sổ	(40.516.550)	-	-	(41.762.758)	(82.279.308)
Số dư cuối kỳ	133.141.584.011	13.310.586.630	674.731.063	7.551.835.615	154.678.737.319
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	302.661.753.827	11.829.605.123	257.686.588	7.276.187.779	322.025.233.317
Số dư cuối kỳ	306.155.386.836	11.523.275.872	225.028.468	8.229.480.428	326.133.171.604

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 222.889 triệu VND (1/1/2016: 226.096 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 26/5/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	18.548.000	69.427.933
Tăng trong kỳ	9.365.316.369	247.414.613
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(9.383.864.369)	(298.294.546)
Số dư cuối kỳ	-	18.548.000

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016				1/1/2016					
	Số lượng	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh	5.000	7,83%	500.000.000	-	(*)	5.000	7,83%	500.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	117.000	2,13%	1.170.000.000	-	(*)	117.000	2,13%	1.170.000.000	-	(*)
			<u>1.670.000.000</u>	<u>-</u>				<u>1.670.000.000</u>	<u>-</u>	

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 1/1/2016 VND
Số dư đầu kỳ	3.252.780.299	3.578.939.102
Tăng trong kỳ	753.182.799	986.332.887
Phân bổ trong kỳ	(1.316.410.766)	(1.312.491.690)
Số dư cuối kỳ	<u>2.689.552.332</u>	<u>3.252.780.299</u>

16. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trung tâm Quy hoạch & Kiểm định Xây dựng Khánh Hòa	479.314.000	-
Công ty TNHH Khai thác Thương mại Vận tải Thiên Phú Phát	415.689.120	-
Công ty TNHH An Khang	315.792.979	228.481.795
Các nhà cung cấp khác	676.400.800	490.774.815
	<u>1.887.196.899</u>	<u>719.256.610</u>

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	129.911.578	4.871.001.462	(4.598.071.411)	402.841.629
Thuế thu nhập doanh nghiệp	245.654.891	1.376.482.630	(1.060.454.111)	561.683.410
Thuế thu nhập cá nhân	28.765.089	91.510.500	(96.363.589)	23.912.000
Các loại thuế khác	-	461.237.460	(461.237.460)	-
	404.331.558	6.800.232.052	(6.216.126.571)	988.437.039

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Doanh thu nhận trước	1.083.836.000	1.607.774.000
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(939.342.000)	(1.047.876.000)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	144.494.000	559.898.000

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí khởi công Bến số 2 và VAT liên quan	20.048.300.696	24.048.300.696
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	234.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Khác	209.009.933	170.729.123
	20.541.310.629	24.269.029.819

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	20.048.300.696	24.048.300.696
Các bên liên quan khác		
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	234.000.000	-

Khoản phi thương mại phải trả đối với công ty mẹ và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

20. Vay ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	102.116.600.000	104.705.200.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.176.000.000)	(5.176.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	96.940.600.000	99.529.200.000

Biến động của vay dài hạn trong kỳ như sau:

	1/1/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	104.705.200.000	-	(2.588.600.000)	102.116.600.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Thuyết	Loại	Năm	30/6/2016	1/1/2016
	minh	tiền	đáo hạn	VND	VND
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Nha Trang	(*)	VND	2027	98.000.000.000	100.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Nha Trang	(**)	VND	2019	4.116.600.000	4.705.200.000
				102.116.600.000	104.705.200.000

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản vay này có hạn mức là 100.000 triệu VND, được đảm bảo bằng Bến số 2 – 50.000DWT có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 213.359 triệu VND (1/1/2016: 216.168 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 7%/năm cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng kể từ tháng thứ 13 trở đi. Kỳ thanh toán cuối cùng là vào năm 2027.
- (**) Khoản vay này có hạn mức là 9.414 triệu VND, được đảm bảo bằng Cầu trục xoay Liebherr 40T có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 9.530 triệu VND (1/1/2016: 9.928 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 19,8%/năm, thay đổi với chu kỳ 3 tháng 1 lần. Kỳ thanh toán cuối cùng là vào năm 2019.

21. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả thể hiện số dự phòng chi phí sửa chữa lớn theo định kỳ của tài sản cố định. Biến động của dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	-
Trích lập trong kỳ	1.500.000.000
Số dư cuối kỳ	1.500.000.000

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	381.307.619	363.785.166
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	1.069.169.459	150.838.497
Sử dụng trong kỳ	(564.943.600)	(133.316.044)
Số dư cuối kỳ	885.533.478	381.307.619

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 25 tháng 6 năm 2015	245.018.170.000	118.714.865	(139.509.978)	3.346.956.275	248.344.331.162
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.822.190.712	460.295.173	6.282.485.885
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	153.855.267	(153.855.267)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(76.927.634)	(73.910.863)	(150.838.497)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	245.018.170.000	272.570.132	5.451.897.833	3.733.340.585	254.475.978.550
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	225.610.000	225.610.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	4.406.574.953	592.711.910	4.999.286.863
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	1.069.304.685	(1.069.304.685)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(1.069.169.459)	-	(1.069.169.459)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(2.450.181.700)	(441.410.870)	(2.891.592.570)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	245.018.170.000	1.341.874.817	5.269.816.942	4.110.251.625	255.740.113.384

Công ty Cổ phần Căng Cam Ranh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	24.501.817	245.018.170.000	24.501.817	245.018.170.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	245.018.170.000	24.501.817	245.018.170.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 2.450 triệu VND (từ ngày 25 tháng 6 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: Không).

26. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Ngoại tệ				
▪ USD	67.339	1.511.795.264	67.346	1.511.914.064

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.427.583.000	2.285.911.000

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	8.856.840.001	12.306.537.173
▪ Cung cấp dịch vụ	43.832.485.474	44.781.212.593
	52.689.325.475	57.087.749.766

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	8.070.349.037	11.458.698.731
▪ Dịch vụ đã cung cấp	25.772.985.357	30.706.657.035
▪ Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	1.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	35.343.334.394	42.165.355.766

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Lãi tiền gửi	466.325.047	645.269.805
Cổ tức được chia	368.910.870	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	72.190.782
	<hr/>	<hr/>
	835.235.917	717.460.587

31. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí lãi vay	3.820.285.526	793.321.581
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	107.900.000	110.400.000
Chi phí khấu hao	15.867.636	16.749.171
Chi phí bán hàng khác	14.290.753	36.894.415
	<hr/>	<hr/>
	138.058.389	164.043.586

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	5.096.236.577	5.555.039.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.949.302.367	2.331.489.438
Chi phí khấu hao	389.187.378	410.241.115
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	428.866.163
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	473.255.872	337.877.681
	<hr/>	<hr/>
	7.907.982.194	9.063.513.994

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.380.894.442	24.865.581.086
Chi phí nhân công	15.780.656.171	16.802.719.433
Chi phí khấu hao	7.201.999.851	7.283.464.575
Chi phí nhiên liệu trong giá vốn hàng bán	1.119.874.794	1.441.801.526
Chi phí khác	905.949.719	999.346.726

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.389.701.167	939.121.259
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(13.218.537)	-
	1.376.482.630	939.121.259

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.375.769.493	7.221.607.144
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.275.153.899	1.588.753.572
Ưu đãi thuế	(44.716.595)	(126.179.807)
Chi phí không được khấu trừ thuế	24.339.335	9.900.000
Thu nhập không bị tính thuế	(73.782.174)	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(533.352.506)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(13.218.537)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	208.706.702	-
	1.376.482.630	939.121.259

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% cho năm 2015 và 20% từ năm 2016 trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty con

Theo các quy định hiện hành, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 20% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm 2010 đến năm 2019 và mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường từ năm 2020 trở đi. Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, mức thuế suất ưu đãi này giảm xuống còn 17% từ năm 2016.

Công ty con được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2010 đến 2011); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (từ 2012 đến 2015)

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.406.574.953	5.822.190.712
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.069.169.459)	(150.838.497)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	3.337.405.494	5.671.352.215

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	30/6/2016	31/12/2015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn kết thúc	24.501.817	24.501.817

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Chia cổ tức bằng tiền	1.982.301.500	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Lương và thưởng	1.119.179.500	998.211.303

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

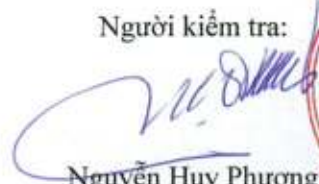
38. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh kỳ trước là cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 6 năm 2016 (ngày Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và do đó không so sánh được với kỳ hiện tại.

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Hồ Nguyễn Tú Anh
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Nguyễn Huy Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc



